| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>**TỈNH B** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ M VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20/02/2023.
"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ M VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Quế và ông Nguyễn Văn Đức.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tỉnh B tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20/02/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2022/TLST-HNGĐ, ngày 30/12/2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-DS, ngày 07/02/2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Hà Thị M, sinh năm 1970 (có mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Phan Văn M, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Đều nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh B.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị M kết hôn cùng ông Phan Văn M vào ngày 30/01/1988, trước khi cưới đôi bên có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh B. Sau ngày cưới theo phong tục tập quán của địa phương, bà M về chung sống cùng ông M ngay. Vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Theo bà M trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phát sinh từ năm 2000, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra việc đánh cãi chửi nhau. Sau thời gian đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng cũng từ nguyên nhân trên. Tháng 12/2022 do ghen tuông bà đã bị ông M đánh phải

điều trị tại Trung tâm y tế huyện T và sau khi ra viện bà ra ở với con ở Hà Nội và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chung sống với nhau đôi bên không có hạnh phúc nên bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M càng sớm càng tốt.

Theo ông M trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phát sinh từ tháng 12/2022, nguyên nhân là do ông nghi ngờ bà M có quan hệ bất chính nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Do nóng giận ông đã ném chiếc điện thoại của bà M vào đầu bà M dẫn đến đầu bà M bị chảy máu. Sau khi sự việc xảy ra, bà M đã bỏ ra Hà Nội sống cùng con và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Nay bà M yêu cầu ly hôn, ông xác định việc làm của ông trong lúc nóng giận là sai, nhưng ông vẫn yêu thương bà M nên ông đề nghị Toà án hoà giải vợ chồng ông đoàn tụ và không đồng ý ly hôn, còn nếu bà M cương quyết ly hôn thì ông đề nghị Toà án giải quyết theo yêu cầu của bà M.

Về con chung: Bà M và ông M đều xác định vợ chồng có 02 con chung là anh Phan Văn Hoàng, sinh ngày 09/9/1989 và anh Phan Văn Bảo, sinh ngày 23/4/1991. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Bà M và ông M đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã tuân theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71,72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 51,53,56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

+ Về quan hệ vợ chồng: Xử cho bà Hà Thị M được ly hôn với ông Phan Văn M.

+ Về án phí: Bà Hà Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên toà hôm nay mặc dù ông M vắng mặt, nhưng ông M đã được Tòa án đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa và ông M đã có đơn xét xử vắng mặt; xét thấy, quyền và M vụ ông M đã được đảm bảo và ông M có quyền đề nghị Toà án xét xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án trên là phù hợp với Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị M kết hôn cùng ông Phan Văn M vào ngày 30/01/1988. Trước khi đăng ký kết hôn đôi bên có được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn UBND xã L, huyện T, tỉnh B. Do vậy, đã có đủ căn cứ kết luận quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông M là hợp pháp. Sau ngày cưới theo phong tục tập quán của địa phương bà M về chung sống cùng ông M ngay. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 12/2022 nguyên nhân là do ông M nghi ngờ bà M có quan hệ nam nữ bất chính, bà M đã bị ông M ném điện thoại chảy máu đầu phải điều trị tại Trung tâm y tế huyện T. Sau khi ra viện bà chuyển Hà Nội sống với con và từ đó vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Bà M xin ly hôn, ông M muốn đoàn tụ, còn nếu bà M cương quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng ông M có đơn vắng mặt không đến tham gia phiên hoà giải. Xét thấy, ông M muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng ông M không đến Toà án làm việc và không muốn tham phiên hoà giải. Mặt khác ông không có phương án nào để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, HĐXX đã đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn vợ chồng bà M ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M và xử cho bà M được ly hôn với ông M là phù hợp Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Xác định bà M và ông M có 02 con chung là anh Phan Văn Hoàng, sinh ngày 09/9/1989 và anh Phan Văn Bảo, sinh ngày 23/4/1991. Xét thấy, hiện nay cả hai con chung của ông M bà M đã trưởng thành và đã có gia đình riêng và ông bà không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Bà M không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. Tại phiên toà hôm nay mặc dù ông M vắng mặt, nhưng các tài liệu hồ sơ vụ án đều thể hiện ông M không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do bà M là nguyên đơn trong vụ án nên bà M phải chịu 300.000 đồng ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án:

1. Về quan về hệ hôn nhân: Xử cho bà Hà Thị M được ly hôn với ông Phan Văn M.

2. Về án phí: Bà Hà Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số: AA/2021/0005801, ngày 30/12/2022. Xác nhận bà M đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Bà M có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông M vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bán án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- VKSND huyện Tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã L;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Xuân Hà**